

Số: 214 /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều
kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Y tế Quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất,
kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý
điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh
nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an
toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm
định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ



điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 195/TTr-SYT ngày 25 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *T. M. C.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, NN&MT, CT;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Y tế, NN&MT, CT;
- Cục KTVB và XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Ủy ban MTTQ TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Lãnh đạo VP UBND TP;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các Phòng: VX, NC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, T.V. Hải.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu



QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa Ủy ban nhân dân các cấp và các Sở, ngành (sau đây gọi tắt là các cơ quan) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương II PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; rõ người, rõ việc, không chồng chéo, bỏ sót nội dung quản lý.

2. Bảo đảm quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu dùng; xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Bảo đảm sự thống nhất, thông suốt trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố về an toàn thực phẩm; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lĩnh vực, địa bàn được phân công.

4. Tăng cường phối hợp liên ngành, chuyển mạnh từ kiểm tra, xử lý sang chủ động phòng ngừa, cảnh báo sớm và kiểm soát rủi ro; hướng tới nền quản lý an toàn thực phẩm chủ động, bền vững và hiệu quả. Gắn công tác quản lý an toàn thực phẩm với phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

5. Thực hiện các nguyên tắc phân công trách nhiệm khác theo quy định tại

Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và theo phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa Trung ương và địa phương.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân thành phố.

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là Trưởng Ban Chỉ đạo; trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về an toàn thực phẩm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị buông lỏng quản lý hoặc để xảy ra vi phạm trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Bố trí kinh phí, nguồn lực và điều kiện cần thiết cho các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định.

4. Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, nhóm sản phẩm đặc thù của thành phố theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 62 của Luật An toàn thực phẩm và Điều 37 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan dự thảo và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn đối với sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Là đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình an toàn thực phẩm cho Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

4. Định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

5. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Tổ chức tiếp nhận, quản lý hồ sơ, cấp: Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế; sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy

chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế; Giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu;

b) Chỉ định, gia hạn chỉ định, thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố;

c) Chỉ định, miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP.

6. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Y tế quản lý theo phân cấp (sản phẩm tại Phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) và các sản phẩm của các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

7. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm:

a) Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không thuộc lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương;

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (bao gồm cả bếp ăn tập thể thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm), cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các siêu thị, trung tâm thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy đăng ký hộ kinh doanh (trừ nhà hàng trong khách sạn được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

c) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ hai Sở trở lên, trong đó sản lượng sản phẩm lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

8. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, cơ sở kinh doanh, tư vấn sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe; kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm: Nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể tại các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cấp tỉnh cấp; bếp ăn tập thể, căng tin các trường đại học, bệnh viện tuyến thành phố; bếp ăn tập thể tại các trường mầm non, tiểu học có quy

mô từ 700 suất ăn/lần phục vụ trở lên; bếp ăn tập thể, căng tin các trường phổ thông trung học, trường phổ thông liên cấp, trường cao đẳng, đào tạo nghề có quy mô phục vụ từ 100 suất ăn/lần phục vụ trở lên; nhà hàng ăn uống, nhà ăn, nhà nghỉ dưỡng, nhà khách, viện điều dưỡng, trung tâm hội nghị của Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố; các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực lễ hội, hội chợ có ẩm thực do cấp thành phố quản lý.

10. Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành tổ chức thực hiện, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác trong trường hợp:

a) Khi có chỉ đạo của Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố;

b) Khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm lưu thông trên địa bàn có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng;

c) Khi có sự khác biệt trong kết quả kiểm tra của các Sở chuyên ngành; theo đề nghị của Sở chuyên ngành.

11. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

12. Là đầu mối triển khai thực hiện giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố; tổ chức việc phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm, thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

13. Tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm; cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm.

14. Tổ chức tiếp nhận cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 1) đối với nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm tại các đơn vị có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trường học quy mô từ 700 suất ăn/lần phục vụ trở lên.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 63 của Luật An toàn thực phẩm và Điều 38 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Dự thảo và trình Ủy ban nhân dân phê duyệt chương trình kế hoạch, đề án, dự án về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với lĩnh vực nông lâm thủy sản và muối trên địa bàn thành phố.

3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gồm:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (theo Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được quy định Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai Sở trở lên, trong đó sản lượng sản phẩm lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

c) Cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản và muối, tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản; cảng cá;

d) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có hoạt động chế biến, bảo quản.

4. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở là tổ chức kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cảng cá; chợ đầu mối, đấu giá nông sản; cơ sở là tổ chức kinh doanh mặt hàng bao gói sẵn sản phẩm nông, lâm, thủy sản (chuyên doanh) không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện trên địa bàn thành phố.

6. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

8. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

9. Tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

10. Phối hợp với Sở Y tế trong việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm, điều tra ngộ độc thực phẩm.

11. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý theo phân cấp (sản phẩm tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) và các sản phẩm của các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Công Thương

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 64 của Luật An toàn thực phẩm và Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thực phẩm bao gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT được sửa đổi bởi khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2025/TT-BCT) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp theo quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

3. Quản lý an toàn thực phẩm và tiếp nhận bản cam kết về bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 2) từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp, thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ hạng 1 trên địa bàn thành phố (trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản).

5. Kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

7. Tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

8. Phối hợp với Sở Y tế trong việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm, điều tra ngộ độc thực phẩm.

9. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Công Thương quản lý theo phân cấp tại Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các sản phẩm của các cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp xã; thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo các nội dung được phân công, phân cấp tại quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tại Điều 65 của Luật An toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa

bàn cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ (trừ cơ sở ở trong siêu thị, trung tâm thương mại).

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với:

a) Quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn, bao gồm: (1) Bếp ăn tập thể, căng tin tại các trường mầm non, tiểu học có quy mô dưới 700 suất ăn/lần phục vụ; (2) Bệnh viện, Trung tâm Y tế khu vực; (3) Bếp ăn tập thể, căng tin tại các trường cao đẳng, đào tạo nghề, trường phổ thông trung học, trường phổ thông liên cấp có quy mô phục vụ dưới 100 suất ăn/lần phục vụ; (4) Nhà hàng ăn uống, nhà ăn, căng tin của nhà khách, nhà nghỉ dưỡng (trừ cơ sở thuộc các Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố); (5) Bếp ăn tập thể tại cơ sở giáo dục mầm non độc lập, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực lễ hội, hội chợ có ẩm thực do cấp xã quản lý; (6) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống di động, nấu cỗ di động (cỗ cưới, hỏi, đám hiếu, sự kiện); (7) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở sản xuất sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Quản lý an toàn thực phẩm và tổ chức tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 2) đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

c) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc có giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trước ngày 01/7/2025 bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên); cơ sở sơ chế, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (trừ cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy định này) thuộc lĩnh vực Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn và quản lý, kiểm tra an toàn thực phẩm theo Điều 5 Điều 6 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

6. Tổ chức kiểm tra, phổ biến, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 12 Điều này;

7. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ hạng 2, hạng 3 trên địa bàn (trừ chợ đầu mối, đầu giá nông sản); các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh trên địa bàn (trừ cơ sở quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 6 quy định này); các cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69 và khoản 2, khoản 3 Điều 76 Luật Thú y năm 2015; hợp tác xã thực hiện sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và muối.

8. Thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm theo phân cấp trên địa bàn.

9. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm trên địa bàn; báo cáo nhanh và báo cáo tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn về Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) theo quy định.

10. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

11. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng vùng sản xuất tập trung trên địa bàn quản lý.

12. Tổ chức tiếp nhận cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 1) đối với bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm tại các đơn vị có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và trường học quy mô dưới 700 suất ăn/lần phục vụ, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố.

Điều 9. Phối hợp trong kiểm tra về an toàn thực phẩm

1. Các cơ quan, đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân hoặc Ban Chỉ đạo liên ngành cùng cấp xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành và tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Hoạt động kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các ngành, các cấp và thống nhất từ thành phố đến cấp xã. Trong trường hợp trùng lặp kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm sẽ thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý.

Điều 10. Phối hợp trong thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm

1. Các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan y tế trong việc thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm.

2. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm,

thời lượng phát sóng để thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; dung lượng và vị trí đăng trên báo in, báo hình, báo điện tử theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng không thu phí, trừ trường hợp thực hiện theo hợp đồng riêng với chương trình, dự án hoặc do tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ.

Điều 11. Phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm; cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan đến nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm của các ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện việc kiểm tra và xử lý theo quy định.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Các giấy chứng nhận, xác nhận, cam kết về an toàn thực phẩm được cấp trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực vẫn còn giá trị cho đến khi hết thời hạn theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm hằng năm của các cơ quan, đơn vị được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở dịch vụ ăn uống
(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/2025/QĐ-UBND)

Hôm nay ngày tháng năm, tại:.....
 Tên tổ chức/cá nhân:.....
 Mã số doanh nghiệp/căn cước:.....
 Địa chỉ/địa điểm kinh doanh:
 Điện thoại:.....
 Người đại diện:
 Loại hình sản xuất, chế biến/kinh doanh:.....

CAM KẾT

Thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong chế biến, cung cấp dịch vụ ăn uống và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

(1) Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định về điều kiện cơ sở vật chất; trang thiết bị; nguyên liệu thực phẩm, gia vị, phụ gia thực phẩm; nguồn nước sạch để chế biến thức ăn, nước đá sạch.

(2) Chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, cung cấp dịch vụ ăn uống tuân thủ đầy đủ quy định về tập huấn kiến thức, khám sức khỏe định kỳ và thực hành vệ sinh trong chế biến thực phẩm.

(3) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn (đối với cơ sở thuộc diện thực hiện quy định về kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn) và các quy định khác về bảo đảm an toàn thực phẩm của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(TIẾP NHẬN CAM KẾT)
(ký & ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN
(ký & ghi họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/2025/QĐ-UBND)

Ngày thángnăm, tại:.....
Tên tổ chức/cá nhân:.....
Mã số doanh nghiệp/căn cước:.....
Địa chỉ/địa điểm kinh doanh:
Điện thoại:.....
Người đại diện:
Loại hình sản xuất, chế biến/kinh doanh:.....

CAM KẾT

Thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm lĩnh vực Công Thương và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, các cơ quan quản lý nhà nước về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN
(ký & ghi họ tên)

